TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2021
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và Bà Trần Thị Thúy Lợi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 875/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1977 (Có mặt).
Địa chỉ: 09 Hồ Tùng M, tổ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 09 Hồ Tùng M, tổ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Tôi và anh Trần Đức T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống và đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngay sau khi kết hôn xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã qua lại, không còn tiếng nói chung, anh T thường uống rượu say xỉn, không lo làm kinh tế, không có trách nhiệm với vợ con, chửi rủa, đánh đập vợ con. Tôi đã từng nộp đơn lên Tòa án giải quyết xin ly hôn, nhưng nghĩ rằng vợ chồng còn có thể hàn gắn được nên tôi đã rút đơn về, thế nhưng anh T vẫn không hề thay đổi. Đến hơn năm nay tôi đã ra ngoài thuê nhà sống ly thân, mong anh T suy nghĩ, thay đổi, nhưng không có kết quả, hai vợ chồng không có sự sẻ chia, không có sự kết nối, thấy cuộc sống vợ chồng không thể cứu vãn. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng đã

không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi xin được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, gồm cháu Trần Vũ B, sinh ngày 13/6/2001 và cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 06/12/2005. Hiện cháu B đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng cháu. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.
Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác

Bị đơn là anh Trần Đức T quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Đức T tự do đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị H và anh T được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị Vũ Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đức T. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Trần Đức T, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đã không chấp hành, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị đơn không nghiêm túc, không tôn trọng pháp luật, thái độ chấp hành pháp luật kém, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 và phải chịu hậu quả theo Khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Thu H đối với anh Trần Đức T. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống hai vợ chồng không có hòa thuận và hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tình thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Chị H xin ly hôn, chị H xác định vợ chồng không cong tình cảm, không có sự chia sẻ, không thể hàn gắn rạn nứt của vợ chồng, nhưng anh T không phản đối, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập để bị đơn trình bày ý kiến, tham gia hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Điều này thể hiện trong ý thức của anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của hai vợ chồng, không có tư tưởng muốn được chung sống với nhau để đoàn tụ vợ chồng, không có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy cho chị H được ly hôn với anh T là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung gồm cháu Trần Vũ B, sinh ngày 13/6/2001 và cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 06/12/2005 (Nguyện vọng sống với mẹ). Hiện cháu B đã đủ tuổi trưởng thành và sống tự lập được. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu T, anh T vắng mặt không có lời khai. HĐXX xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi mọi mặt của con và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, phù hợp với nguyện vọng của con và thực tế chị H đang chăm sóc, nuôi dưỡng con; nên HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu T cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Vũ Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[7] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị H được ly hôn với anh T. Giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu H.

1.Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Đức T.

2.Về con chung:

Chị Vũ Thị Thu H và anh Trần Đức T có hai con chung là cháu Trần Vũ B, sinh ngày 13/6/2001 và cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 06/12/2005 (Nguyện vọng sống với mẹ). Hiện cháu B đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập được.

Giao cháu T cho chị Vũ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Vũ Thị Thu H tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005923, ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND TP.P;
-Các đương sự;
-THA DS TP.P (Để thi hành);
-UBND phường T, thành phố P,
Tỉnh Gia Lai (số 60, quyển số 01, ngày 15/9/2000);
-Lưu.

Hoàng Văn Tiến